

Số: 466/2019/QĐST-HNGĐ

Quận B, ngày 24 tháng 7 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 116 và Điều 118 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 355/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Bà Nguyễn Ngọc G, sinh năm 1990; địa chỉ: 95/2A Tổ 13, khu phố 3, phường Tân Thuận T, Quận B, Tp. HCM.

Ông Tôn Vũ B, sinh năm 1990; địa chỉ: 95/2A Tổ 13, khu phố 3, phường Tân Thuận T, Quận B, Tp. HCM.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân:

Ông Tôn Vũ B và bà Nguyễn Ngọc G xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2011, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 62, Quyền số 01/2011 đăng ký ngày 14/5/2011 tại UBND phường Tân Thuận T, Quận B, Tp. HCM).

Quá trình chung sống giữa ông Tôn Vũ B và bà Nguyễn Ngọc G phát sinh mâu thuẫn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, cả hai nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của ông Tôn Vũ B và bà Nguyễn Ngọc G là có cơ sở để chấp nhận.

[2] Về quan hệ con chung:

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 113, Quyền số 01/2011 đăng ký ngày 12/5/2011 tại UBND phường Tân Thuận T, Quận B, Tp. HCM; Giấy khai sinh số 51, Quyền số 01/2013 đăng ký ngày 19/02/2013 tại UBND phường Tân Thuận T, Quận B, Tp. HCM và Bản trích lục khai sinh số 40/TLKS-BS ngày 26/01/2019 tại UBND phường Tân Thuận T, Quận B, Tp. HCM và lời khai của các đương sự, có đủ cơ sở xác định ông

Tôn Vũ B và bà Nguyễn Ngọc G có 03 người con chung, họ tên là Tôn Trọng H, sinh ngày 23/4/2011; Tôn Hoàng Bảo N, sinh ngày 25/01/2013 và Tôn Thành P, sinh ngày 11/01/2019.

Ông Tôn Vũ B và bà Nguyễn Ngọc G thỏa thuận giao cả 03 con chung là Tôn Trọng H, Tôn Hoàng Bảo N và Tôn Thành P cho bà Nguyễn Ngọc G trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tôn Vũ B cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/03 trẻ, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2019, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng.

Xét, thỏa thuận này của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tôn Vũ B và bà Nguyễn Ngọc G xác định không có tài sản chung, không có nợ chung.

[4] Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Ông Tôn Vũ B và bà Nguyễn Ngọc G phải chịu lệ phí theo quy định Pháp luật án phí, lệ phí Tòa án.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Tôn Vũ B và bà Nguyễn Ngọc G thuận tình ly hôn (Giấy Giấy chứng nhận kết hôn số 62, Quyền số 01/2011 đăng ký ngày 14/5/2011 tại UBND phường Tân Thuận T, Quận B, Tp. HCM)).

- Về con chung: Ông Tôn Vũ B và bà Nguyễn Ngọc G có 03 người con chung, họ tên là Tôn Trọng H, sinh ngày 23/4/2011; Tôn Hoàng Bảo N, sinh ngày 25/01/2013 và Tôn Thành P, sinh ngày 11/01/2019.

Giao cả 03 trẻ là Tôn Trọng H, Tôn Hoàng Bảo N và Tôn Thành P cho bà Nguyễn Ngọc G trực tiếp nuôi dưỡng, ông Tôn Vũ B cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng/03 trẻ, bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2019, cấp dưỡng vào ngày 05 hàng tháng cho đến khi phát sinh các căn cứ làm chấm dứt nghĩa vụ cấp dưỡng theo quy định tại Điều 118 Luật Hôn nhân Gia đình năm 2014.

Trong trường hợp ông Tôn Vũ B chậm thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông Tôn Vũ B còn phải trả lãi đối với số tiền chậm thi hành theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Ông Tôn Vũ B có quyền và nghĩa vụ đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông Tôn Vũ B và bà Nguyễn Ngọc G không có tài sản chung, không có nợ chung.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm: Ông Tôn Vũ B và bà Nguyễn Ngọc G chịu tiền lệ phí dân sự sơ thẩm là 300.0000 (ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0031096 ngày 21/5/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận B, Tp. HCM. Vậy, ông Tôn Vũ B và bà Nguyễn Ngọc G đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND Q7;
- Chi cục THADS Q7;
- UBND **phường Tân Thuận T**;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, HS (Thanh).

THẨM PHÁN
(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Như Hoa